

Số: **7** /BC-TTCNTTTT

Thái Nguyên, ngày **17** tháng **02** năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024

I. Đánh giá tình hình hoạt động chung

Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên, là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định hiện hành.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ viên chức và lao động hợp đồng

a. Về tổ chức bộ máy: Quy định cơ cấu tổ chức, biên chế của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông được quy định tại Điều 3, Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên, gồm:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có 03 phòng:
 - + Phòng Giám sát, vận hành Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Thái Nguyên;
 - + Phòng Quản trị hệ thống và an ninh mạng;
 - + Phòng Thông tin và Dịch vụ đối ngoại.

b. Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số biên chế được giao năm 2024 (Theo Quyết định số 458/QĐ-STTTT ngày 29/12/2023 của Sở TTTT về giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở TTTT năm 2024): 34 người (trong đó viên chức là 31 người, HĐ theo NĐ 111 là: 03 người)

- Số biên chế, HĐ 111 có mặt tại thời điểm 31/12/2024: 32 người (Trong đó viên chức là 29 người, HĐ theo NĐ 111 là: 03 người)

- Số biên chế tiết kiệm được: 2 biên chế.

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm biên chế trên tổng số đơn vị thực hiện: 01/01.

- Phân tích nguyên nhân giảm:

- + Về hưu, nghỉ theo chế độ : không người
- + Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức: Không người
- + Nguyên nhân khác (ghi rõ nguyên nhân): Không. người

c. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm

**** Công tác Theo dõi, cập nhật hệ thống phần mềm C-ThaiNguyen***

3.1. Ứng dụng C-ThaiNguyen

Trung tâm CNTT đã phân công Viên chức theo dõi, giám sát, vận hành hệ thống phần mềm ứng dụng C-ThaiNguyen theo đúng quy định, kịp thời tiếp nhận phản ánh của công dân, chuyển tới các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương theo đúng quy định: số liệu cụ thể như sau.

- Số người đăng ký tài khoản trên hệ thống tính đến 31/12/2024 là: 108.558 tài khoản.
- Số thông tin đăng tải trên C-ThaiNguyen tính đến 31/12/2024 là 1.253 thông tin.
- Số phản ánh tiếp nhận từ ứng dụng C-ThaiNguyen tính đến 31/12/2024 là 4.079

phản ánh.

Tổng số phản ánh của người dân trong năm 2024 là 1.022 phản ánh

- Số phản ánh trùng lặp, không có nội dung đã hủy từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 là 90 phản ánh.

- Số phản ánh đã phân phối đến các đơn vị từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 là 592 phản ánh.

- Số phản ánh đã trả lời đến người dân từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 là 518 phản ánh.

- Số phản ánh các đơn vị chưa trả lời từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 là 82 phản ánh.

Hàng tháng có báo cáo kết quả xử lý phản ánh hiện trường với Sở TTTT, UBND tỉnh; từ đó tham mưu cho Sở, UBND tỉnh đơn đốc các Sở, Ban, ngành, địa phương chậm trả lời phản ánh của người dân.

**** Công tác lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước***

- Trung tâm đã xây dựng và thực hiện quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện đúng quy định.

- Công khai, dân chủ tài chính theo quy định của pháp luật; Thực hiện quyền tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Đầu tư mua sắm tài sản phục vụ kịp thời cho công tác chuyên môn được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, trích khấu hao tài sản theo quy định của Nhà nước. Số kinh phí được giao thường xuyên hàng năm sử dụng và thanh quyết toán dứt điểm kinh phí với ngân sách nhà nước, không để xảy ra tình trạng tồn đọng, chậm trễ.

- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp sau khi đã nộp thuế và thanh toán chi phí thực hiện được trích lập các quỹ theo qui định. Lợi nhuận được sử dụng để trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức, người lao động theo qui định.

*** Công tác tổ chức, hành chính, quản trị**

- Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-STTTT ngày 29/12/2023 của Sở TTTT về giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở TTTT năm 2024 và Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp được phê duyệt¹, Trung tâm thực hiện tiếp nhận và sử dụng biên chế được giao theo đúng quy định, phân công nhiệm vụ phù hợp với vị trí việc làm. Viên chức sự nghiệp hiện có: 29/31 biên chế; 03 Hợp đồng lao động làm công tác hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; 01 hợp đồng làm công tác chuyên môn nghiệp vụ hưởng lương ngoài ngân sách.

- Thực hiện xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024 đối với 03 viên chức có thành tích xuất sắc theo quy chế đã ban hành; tổ chức họp xét, trình Sở TTTT nâng bậc lương thường xuyên đối với 05 viên chức; thực hiện nâng bậc lương thường xuyên đối với 01 Hợp đồng lao động làm công tác hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP.

- Hoàn thiện việc cập nhật thông tin dữ liệu viên chức, người lao động trên hệ thống của Sở Nội vụ; đảm bảo tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 chức vụ Phó Trưởng phòng IOC, bổ nhiệm lại 02 chức vụ Trưởng phòng đảm bảo đúng quy định.

*** Công tác quản trị, vận hành Trung tâm Dữ liệu tỉnh Thái Nguyên**

- Duy trì hoạt động ổn định, thông suốt cho Trung tâm dữ liệu, bao gồm cơ sở hạ tầng máy chủ, thiết bị mạng, hệ thống điều hòa, phòng cháy tập trung; vận hành và duy trì hoạt động cho các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung của tỉnh như.

- Khởi tạo, cập nhật thông tin cho hơn 2.000 tài khoản thư công vụ của các đơn vị.

- Chuyển đổi một số hệ thống thông tin sang hạ tầng lưu trữ (SAN) mới tại Trung tâm Dữ liệu (Hệ thống được đầu tư theo Đề án 06, mở rộng khả năng lưu trữ của toàn hệ thống thêm 20TB).

- Triển khai thêm một phân vùng phần mềm ảo hóa trên 04 máy chủ cũ, tích hợp bổ sung năng lực cho hệ thống ảo hóa của Trung tâm Dữ liệu (Mở rộng khả năng xử lý thêm 88 cores, khả năng lưu trữ tăng thêm 20TB). Tuy nhiên phân hệ này chủ yếu làm nhiệm vụ lưu trữ dự phòng do năng lực thấp và thiết bị cũ.

- Cung cấp hạ tầng máy chủ triển khai cài đặt các phần mềm: thông tin nguồn tỉnh Thái Nguyên, phần mềm bản đồ số, hệ thống phần mềm dùng chung lưu trữ cơ quan...

¹ Tại Quyết định số 857/QĐ-SNV ngày 18/12/2023 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp khắc phục sự cố hạ tầng của máy chủ lưu trữ hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh; Triển khai hệ thống tra cứu văn bản (offline) đặt tại Văn phòng UBND tỉnh đối với hệ thống quản lý văn bản cũ.

*** Công tác giám sát, đảm bảo an toàn an ninh mạng**

- Phát hiện, ngăn chặn gần 3 triệu lượt kết nối nguy hiểm; Loại bỏ 166.500, chặn và xử lý 1.122 thư chứa mã độc.
- Hệ thống Kaspersky cài đặt trên các máy chủ: Phát hiện 36 máy nhiễm mã độc, Phát hiện và loại bỏ 191 loại mã độc.
- Phát hiện loại bỏ mã độc trên 2.130 máy cá nhân; lỗ hổng phần mềm được phát hiện.1.673; ngăn chặn 257 kết nối nguy hiểm.

*** Công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước**

Tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Bao gồm 09 lớp cấp huyện, 12 lớp cấp xã; Tổng số học viên tham gia tập huấn là 1.267 học viên trên tổng số 21 lớp hoàn thành kế hoạch đúng khối lượng, đối tượng và chất lượng.

*** Công tác thông tin tuyên truyền**

- Hệ thống thông tin hỗ trợ trực tuyến sản xuất được 75 tin, bài, video; cập nhật 568 tin, bài và hỗ trợ trực tuyến 48 lượt.
- Xuất bản 06 số Bản tin năm 2024 đảm bảo tiến độ, đầy đủ nội dung, phong phú. Phát hành 500 cuốn/1 số được gửi đến Lãnh đạo tỉnh; các sở, ban, ngành, huyện ủy, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh Thái Nguyên.
- Website Chuyển đổi số: Biên tập và cập nhật 895 tin, bài (trong đó biên tập: 345 tin, bài); trên 1.000 ảnh; 80 văn bản chuyển đổi số; 20 video clip lên trang Website chuyển đổi số; Các tin, bài, ảnh, video được cập nhật trên Fanpage: Chuyển đổi số Thái Nguyên, kênh Zalo OA: Chuyển đổi số Thái Nguyên và Youtube: CDS Thái Nguyên.
- Tổng hợp rà soát thông tin tiêu cực trên môi trường mạng, từ tháng 7/2024 đến nay, đã phát hiện gần 400 thông tin, bình luận tiêu cực trên Facebook thông qua các page, group, fanpage,... gần 300 thông tin, bình luận tiêu cực trên Tiktok.

*** Vận hành, giám sát kỹ thuật các hội nghị trực tuyến**

- Trung tâm đã trực tiếp kết nối, vận hành trên 30 phiên họp trên nền tảng ứng dụng (Zoom, MS Teams...) tại UBND tỉnh và Sở TTTT.
- Phối hợp với Viễn thông Thái Nguyên, Viettel Thái Nguyên kết nối, vận hành thử, vận hành giám sát chất lượng các phiên họp trực tuyến qua mạng TSLCD tổng cộng 130 phiên họp kết nối từ Trung ương đến tỉnh và kết nối chuyển tiếp về cấp huyện, cấp xã, kết nối nội tỉnh tại Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở TTTT.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị:

Đơn vị được phê duyệt phương án tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập

tự đảm bảo một phần chi thường xuyên giai đoạn 2023 - 2025 theo Quyết định số 3421/ QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên

3. Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a. Về các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định

Ngoài các nhiệm vụ chính trị được giao đơn vị thực hiện các hoạt động dịch vụ như:

- Dịch vụ thiết kế trang Website
- Dịch vụ máy chủ, lưu trữ dữ liệu trực tuyến
- Giải pháp bảo mật, an toàn an ninh mạng
- Đào tạo bồi dưỡng, kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực CNTT
- Tư vấn, giám sát, thi công dự án CNTT
- Phát triển hạ tầng viễn thông.

Trong năm qua đơn vị đã tự chủ kinh phí đáp ứng được một phần kinh phí cho hoạt động thường xuyên. Mức tự chủ đạt 11%.

b. Nguồn thu, chi thường xuyên:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: **3.243.000.000đ**
- + Số kinh phí thực hiện: 3.240.000.000đ
- + Số kinh phí tiết kiệm được: 3.000.000đ
- + Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí: 01 đơn vị
- + Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 0%
- + Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất: 0%
- Kinh phí không thực hiện tự chủ: **9.234.165.000đ**

c. Chênh lệch thu chi thường xuyên trích lập các quỹ: 448.328.989đ

- Trong đó: Quỹ bổ sung thu nhập chi CNTT: 190.496.090đ
- Quỹ PTHĐSN: 44.832.899đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 213.000.000đ
- Quỹ khác: không

d. Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được: 0 đồng.

Chi Quỹ phúc lợi:

Chi CNTT cho CBVC năm 2024:

Còn lại chuyển năm 2025:

đ. Tình hình xây dựng, thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: Đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ chặt chẽ: Quyết định số 361/QĐ-TTCNTTTT ngày 22/08/2024.

e. Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

g. Thực hiện hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không

5. Nguồn thu, nhiệm vụ chi không thường xuyên:

a. Dự toán thu từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2024

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế, không tự chủ: 9.234.165.000đ

b. Dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2024

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế, không tự chủ: 6.593.246.263đ

6. Những khó khăn tồn tại, nguyên nhân:

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ, tập trung nguồn lực đảm bảo công tác duy trì, quản trị, vận hành, Trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh và các hệ thống thông tin của tỉnh hoạt động ổn định.

7. Đề xuất, kiến nghị.

Cần quan tâm, bồi dưỡng đến công tác nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ trong lĩnh vực CNTT, ATANM, Kế hoạch - Tài chính. Tiếp cận kịp thời với những văn bản mới, Hoàn thiện bộ máy tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ viên chức. Đánh giá sở trường năng lực để phát huy hiệu quả trong công tác.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Sở TT&TT;
- Lưu: VT, IOC.

GIÁM ĐỐC 



Vũ Đình Giang

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **7** /BC-TTCNTTTT ngày **17**/02/2025 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	34	32	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	31	29	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	03	03	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	3.243	3.240	
III	Nguồn tài chính				
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên	Triệu đồng	5.382	5.379	
1	Nguồn thu từ hoạt động sử dụng NSNN				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)	Triệu đồng	2.139	2.139	
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	Triệu đồng	3.243	3.240	
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên	Triệu đồng	3.243	3.243	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	3.243	3.240	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng			
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Triệu đồng			
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Triệu đồng			
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)	Triệu đồng	449	449	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	45	45	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng	191	191	
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	213	213	
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>	Triệu đồng	9.234	9.234	
	Kinh phí hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	9.034	9.034	
	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	Triệu đồng	200	200	
1	Nguồn thu				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)		9.234	9.234	
	<i>Kinh phí hoạt động sự nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>9.034</i>	<i>9.034</i>	
	<i>Kinh phí sự nghiệp đào tạo</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng	9.234	6.594	
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)</i>				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Kinh phí hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	9.034	6.422	
	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	Triệu đồng	200	172	
IV	Về vay vốn, huy động vốn				
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

NGƯỜI LẬP BIỂU



Dương Thị Kim Ngân

GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Giang